

Số: 31/2024/QĐST-DS

Quận 5, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Mai Thị Thái Hòa – Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 168/2023/DSST ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2024/QĐST-VDS ngày 19 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: Số B T, Phường I, Quận E, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu: Ông Nguyễn Đỗ Bảo C, sinh năm 1980 – có mặt.

Địa chỉ liên hệ: A N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền có công chứng số 22886, quyền số 12/2023 TP/CC-SCC/ HĐGD ngày 28 tháng 12 năm 2023).

Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự đối với: Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1961; địa chỉ thường trú: Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Ngô Thị T3, sinh năm 1967; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Bà Ngô Thị T4, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Ngô Văn T2**, bà **Ngô Thị T3**, bà **Ngô Thị T4**: Ông **Nguyễn Đỗ Bảo C**, sinh năm 1980; địa chỉ liên hệ: **A N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh** – có mặt.

Hoặc bà **Đặng Thụy V**, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: **Khu phố A, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước**; địa chỉ liên hệ: **A N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh** – vắng mặt.

(Giấy ủy quyền có công chứng số 005527 quyền số 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06 tháng 11 năm 2023).

4. Bà **Ngô Thị T5**, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: **Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh** – có mặt.

5. Ông **Ngô Văn T6**, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: **Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**; địa chỉ tạm trú: **I T, khu phố H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** – có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

*Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 17 tháng 08 năm 2023, tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là ông **Ngô Văn T** và người đại diện theo ủy quyền của ông **T** là ông **Nguyễn Đỗ Bảo C** trình bày:*

Cha ông **Ngô Văn T** là ông **Ngô Văn N**, sinh năm 1935, chết ngày 16 tháng 8 năm 1988 theo Trích lục khai tử số 3580/TLKT-BS ngày 08 tháng 12 năm 2023 trích lục từ Giấy khai tử số 023/1988 đăng ký ngày 16 tháng 8 năm 1988 tại **Ủy ban nhân dân Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Mẹ ông **Ngô Văn T** là bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1940, chết ngày 05 tháng 8 năm 2021 theo Trích lục khai tử số 191/TLKT-BS ngày 05 tháng 8 năm 2021 trích lục từ Giấy khai tử số 53 đăng ký ngày 05 tháng 8 năm 2021 tại **Ủy ban nhân dân Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Ông **Ngô Văn N** và bà **Nguyễn Thị Q** đều có địa chỉ thường trú: **Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Ông **Ngô Văn N** và bà **Nguyễn Thị Q** có 10 người con chung sau:

1. Ông **Ngô Văn T2**, sinh năm 1961; địa chỉ thường trú: **Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**.

2. Ông **Ngô Văn T7**, sinh năm 1962, chết ngày 25 tháng 12 năm 2016 theo Trích lục khai tử số 354/2022/TLKT-BS ngày 26 tháng 8 năm 2022 trích lục từ Giấy khai tử số 73/2016 đăng ký ngày 27 tháng 12 năm 2016 tại **Ủy ban nhân dân Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh** (tình trạng hôn nhân: Độc thân, không có con đẻ, con nuôi).

3. Bà **Ngô Thị T3**, sinh năm 1967; địa chỉ thường trú: **Áp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**.

4. Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: **Số B T, Phường I, Quận E, Thành Phố Hồ Chí Minh**.

5. Ông **Ngô Văn T8**, sinh năm 1969, chết ngày 30 tháng 10 năm 2007 theo Trích lục khai tử số 636/TLKT-BS ngày 14 tháng 3 năm 2023 trích lục từ Giấy khai tử số 57/2007 đăng ký ngày 31 tháng 10 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (tình trạng hôn nhân: Độc thân, không có con đẻ, con nuôi).

6. Bà **Ngô Thị T5**, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: **Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**.

7. Bà **Ngô Thị T9**, sinh năm 1972, chết ngày 11 tháng 7 năm 2021 theo Trích lục khai tử số 173/TLKT-BS ngày 12 tháng 7 năm 2021 trích lục từ Giấy khai tử số 37 đăng ký ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (tình trạng hôn nhân: Độc thân, có một người con đẻ họ và tên **Ngô Thành N1**, sinh năm 2001; địa chỉ thường trú: **B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**).

8. Ông **Ngô Văn T1**, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: **Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**.

9. Ông **Ngô Văn T6**, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: **Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**; địa chỉ tạm trú: **I T, khu phố H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

10. Bà **Ngô Thị T4**, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: **Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Ông **Ngô Văn T** cam kết cha mẹ ông chỉ có 10 người con nêu trên, ngoài ra không có người con đẻ, con nuôi nào khác.

Ông **Ngô Văn T** là anh ruột ông **Ngô Văn T1**, ông **T** cho biết ông **T1** sống độc thân, không có vợ con. Ông **T1** bị chậm phát triển tâm thần từ khi được sinh ra cho đến nay, không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, gia đình đã cố gắng chữa trị nhưng bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Trước đây việc chăm sóc, nuôi dưỡng ông **T1** do mẹ ông **T1** là bà **Nguyễn Thị Q** trực tiếp thực hiện. Tuy nhiên, từ khi bà **Nguyễn Thị Q** chết, ông **T1** vẫn sống tại địa chỉ nhà **số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh** nhưng trong các anh, chị, em trong nhà vẫn chưa thống nhất được người đứng ra làm người giám hộ, chăm sóc sức khỏe và quản lý tài sản cho ông **T1**.

Các anh, chị, em trong nhà đã liên hệ với cơ quan có thẩm quyền xác định tình trạng sức khỏe của ông **T1**, theo đó, ông **T1** được xác định bị bệnh sa sút tâm thần dẫn đến bị mất năng lực hành vi dân sự theo Kết luận khám sức khỏe tâm thần số 6244/TTPYTTKV – KKB ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Kết luận khám sức khỏe tâm thần số 8977/KLGD ngày 14 tháng 11 năm 2023 của **Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố H**. Nay, ông **Ngô Văn T** yêu cầu Tòa án xem xét tuyên bố ông **Ngô Văn T1** bị mất năng lực hành vi dân sự, mục đích của việc yêu cầu là để xác định người giám hộ, quản lý tài sản và chữa bệnh cho ông **Ngô Văn T1**.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các ông bà là ông **Ngô Văn T2**, bà **Ngô Thị T3**, bà **Ngô**

Thị T4 do ông Nguyễn Đỗ Bảo C, bà Đặng Thụy V cùng trình bày ý kiến thống nhất ý kiến với toàn bộ phần nội dung trình bày của người yêu cầu là ông Ngô Văn T và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 1 năm 2024 và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T6 cùng trình bày ý kiến thống nhất ý kiến với toàn bộ phần nội dung trình bày của người yêu cầu là ông Ngô Văn T và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại buổi làm việc ngày 11 tháng 12 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T5 vắng mặt, tại buổi làm việc ngày 11 tháng 01 năm 2024, bà T5 có mặt trình bày đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ việc nhưng bà không đồng ý ký nhận và cũng không đồng ý trình bày ý kiến của mình liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

Tại phiên họp giải quyết việc dân sự,

Ông Nguyễn Đỗ Bảo C là đại diện cho người yêu cầu xác định giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Ngô Văn T1 mất năng lực hành vi dân sự.

Ông Nguyễn Đỗ Bảo C là đại diện cho ông Ngô Văn T2, bà Ngô Thị T3, bà Ngô Thị T4 trình bày ý kiến thống nhất ý kiến của ông Ngô Văn T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Ngô Văn T1 mất năng lực hành vi dân sự.

Ông Ngô Văn T6 trình bày ý kiến thống nhất ý kiến của ông Ngô Văn T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Ngô Văn T1 mất năng lực hành vi dân sự.

Bà Ngô Thị T5 trình bày ý kiến không đồng ý việc các anh, chị, em của bà tuyên bố ông Ngô Văn T1 mất năng lực hành vi dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự cũng như tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết đơn yêu cầu. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của họ trong việc dân sự được thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn T tuyên bố ông Ngô Văn T1 mất năng lực hành vi dân sự.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là ông Ngô Văn T chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông **Ngô Văn T** là anh ruột của ông **Ngô Văn T1** nên có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố ông **Ngô Văn T1** mất năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 376 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Do người bị yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự là ông **Ngô Văn T1**, sinh năm 1973 có địa chỉ cư trú tại: **Số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh** nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc dân sự thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên họp theo khoản 2 Điều 21 và khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 17 tháng 08 năm 2023 của ông **Ngô Văn T** yêu cầu Tòa án tuyên bố ông **Ngô Văn T1**, sinh năm 1973 mất năng lực hành vi dân sự.

Căn cứ Giấy khai sinh số 083/2012 đăng ký khai sinh ngày 13 tháng 6 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp bản sao từ cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử Quận E, ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với ông **Ngô Văn T1** và Trích lục khai sinh số 3402/TLKS-BS ngày 05 tháng 10 năm 2017 thể hiện thông tin Giấy khai sinh số 4044B đăng ký ngày 27 tháng 4 năm 1968 tại Tòa hành chính Quận E, S đối với ông **Ngô Văn T** thể hiện ông **Ngô Văn T1** là em ruột của ông **Ngô Văn T**. Do đó, việc ông **T** là anh ruột của ông **T1** yêu cầu Tòa án tuyên bố ông **T1** mất năng lực hành vi dân sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 22 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 376 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.2] Căn cứ đơn yêu cầu ngày 10 tháng 11 năm 2023 của ông **Ngô Văn T**, Toà án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 219/2023/QĐ-TA ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc Trưng cầu giám định tại Trung tâm pháp y Tâm thần khu vực Thành phố H, Bộ Y giám định năng lực hành vi dân sự của đương sự. Toà án nhân dân Quận 5 nhận được Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 8977/KLGD ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố H đối với ông **Ngô Văn T1** có nội dung như sau:

“1.1 Về y học: Đương sự bị sa sút tâm thần trong bệnh động kinh/động kinh (F02.8/G40 – ICD10)."

1.2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi."

Xét các tài liệu có trong hồ sơ và nội dung tại mục II Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 8977/KLGD ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố H có nội dung:

“- Quá trình theo dõi giám định:

Đương sự được giám định tại Trung tâm Pháp Y Tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự trang phục lôi thôi, vệ sinh cá nhân kém, hồi hám, tiếp xúc rất kém, miệng có các cử động bất thường của loạn động muộn (nhai liên tục). Tư duy nhịp chậm, rời rạc, nội dung nghèo nàn. Cảm xúc thờ ơ. Trí nhớ kém, có biết họ tên nhưng không nhớ năm sinh, tuổi và địa chỉ nhà. Nhận thức, tập trung chú ý, hoạt động có ý chí và các mặt hoạt động tâm thần khác đều suy giảm nặng, Đương sự không nhận được người thân.

- Tóm tắt triệu chứng, hội chứng về tâm thần:

Đương sự nam, sinh năm 1973. Đương sự có tiền sử bị bệnh Động kinh từ khoảng năm 1988 đến 2010, có được điều trị hàng tháng. Từ khoảng 2012 đến nay Đương sự không còn bị co giật nhưng có các biểu hiện sau:

+ Hội chứng Sa sút tâm thần.

+ Trí nhớ, nhận thức, tập trung chú ý, hoạt động có ý chí và các mặt hoạt động tâm thần khác đều suy giảm nặng.

+ Mọi sinh hoạt, vệ sinh cá nhân kém.

Kết quả Cận lâm sàng có giá trị chuẩn đoán:

+ Kết quả trắc nghiệm MMSE: Suy giảm nhận thức mức độ nặng”.

Như vậy có đủ cơ sở xác định ông Ngô Văn T1, sinh năm 1973 bị sa sút tâm thần trong bệnh động kinh/động kinh (F02.8/G40 – ICD10), mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó, yêu cầu của ông Ngô Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Từ các nhận định trên, xét yêu cầu của ông Ngô Văn T là phù hợp tình trạng sức khỏe của ông Ngô Văn T1 và phù hợp với kết luận giám định pháp y tâm thần của cơ quan chuyên môn. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn T về việc tuyên bố ông Ngô Văn T1 mất năng lực hành vi dân sự.

[2.4] Việc giám hộ của ông Ngô Văn T1 sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 53, Điều 54, Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Ngô Văn T chịu lệ phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 27, a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 376, Điều 377, Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 22, Điều 53, Điều 54, Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Ngô Văn T.

Tuyên bố ông **Ngô Văn T1**, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1973 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ **số B T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh** mất năng lực hành vi dân sự.

Việc giám hộ của ông **Ngô Văn T1** sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 53, Điều 54, Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông **Ngô Văn T** chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông **Ngô Văn T** đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010834 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Ngô Văn T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn được tính từ ngày người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 5;
- Chi Cục THADS Quận 5;
- UBND Phường 9, Quận 5;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Mai Thị Thái Hòa